

Số: /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống
cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính
nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 130/TTr-SKHĐT
ngày 31 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 40 thủ tục hành chính nội bộ trong
hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Điều hành thông
minh tỉnh) chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cập nhật, công
khai các thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước
đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân
các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh Ngô Hạnh Phúc;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh (NC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hạnh Phúc

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH YÊN BÁI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
2	Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
3	Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
4	Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
5	Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

	nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
6 7	Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
8	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
9	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
10	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
11	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

	sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý	(ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan quyết định: HĐND tỉnh.
12	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
13	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
14	Lập quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh: UBND tỉnh. - Cơ quan lập quy hoạch tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phê duyệt quy hoạch tỉnh: Thủ tướng Chính phủ.
15	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	- Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh: UBND tỉnh. - Cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh: Thủ tướng Chính phủ.

16	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư.
17	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương	Đầu tư công	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND/ UBND tỉnh.
18	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương	Đầu tư công	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND/ UBND tỉnh.
19	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương	Đầu tư công	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND/ UBND tỉnh.
20	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương	Đầu tư công	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND/ UBND tỉnh.
21	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm B, C	Đầu tư công	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND/ UBND cấp tỉnh.
22	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Đầu tư công	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh/Đơn vị sự nghiệp công lập

23	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND tỉnh.
24	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
25	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: HĐND tỉnh.
26	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
27	Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
28	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
28	Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
29	Lập thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

			- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
30	Lựa chọn danh sách ngắn trong trường hợp đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
31	Lựa chọn danh sách ngắn trong trường hợp đấu thầu hạn chế để chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư	Đấu thầu	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
32	Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
33	Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
34	Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.
35	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
36	Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

			- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
37	Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
38	Lập, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bên mời thầu.
39	Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
40	Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư)	Đấu thầu	- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ SẮP XẾP LẠI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

1. Thủ tục: Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu lập Hồ sơ gốc đề nghị thành lập doanh nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành.

Khi nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định.

- Khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương thành lập doanh nghiệp.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp.

- Đề án thành lập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Căn cứ pháp lý, mục tiêu, sự cần thiết thành lập doanh nghiệp;

b) Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp và thời gian hoạt động;

c) Địa điểm trụ sở chính của doanh nghiệp, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

d) Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng;

đ) Đánh giá sự phù hợp của việc thành lập doanh nghiệp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;

e) Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm sau khi thành lập;

g) Mức vốn điều lệ; dự kiến tổng vốn đầu tư (trường hợp thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gắn với thực hiện dự án đầu tư); nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với doanh nghiệp;

h) Dự kiến hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội;

i) Dự kiến khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để hoạt động sau khi thành lập.

* **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ hồ sơ gốc.

* **Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định thành lập: UBND tỉnh.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, UBND tỉnh quyết định thành lập doanh nghiệp.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Có ngành, lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Đảm bảo đủ vốn điều lệ theo quy định:

+ Doanh nghiệp khi thành lập phải có mức vốn điều lệ không thấp hơn 100 tỷ đồng.

+ Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề quy định phải có vốn pháp định thì ngoài điều kiện nêu trên, vốn điều lệ của doanh nghiệp khi thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh đó.

+ Đối với doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội hoặc hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, địa bàn cần Nhà nước đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp thì vốn điều lệ có thể thấp hơn mức quy định nêu trên (100 tỷ đồng) nhưng không thấp hơn mức vốn pháp định quy định đối với ngành, nghề kinh doanh yêu cầu vốn pháp định

- Có Hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Việc thành lập doanh nghiệp phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Thủ tục: Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

*** Trình tự thực hiện:**

- Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phối hợp, thống nhất lập Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, trình cơ quan quyết định thành lập hoặc được giao quản lý xem xét, quyết định.

- Khi nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

- Sau khi có quyết định hợp nhất, sáp nhập, người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp cùng ký vào Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập và có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án hợp nhất, sáp nhập.

- Doanh nghiệp nhận sáp nhập và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập trên cơ sở hợp nhất thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;

- Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;

b) Sự cần thiết của việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;

c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập;

d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập;

e) Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm hợp nhất, sáp nhập;

- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;

- Dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại Điều 200, Điều 201 Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp;

- Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ gốc.

* **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện hợp nhất, sáp nhập.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được hợp nhất, sáp nhập khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Việc sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Cạnh tranh về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Thủ tục: Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

*** Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp lập Hồ sơ đề nghị chia, tách gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu để thẩm định.

- Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị chia, tách, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành.

Khi nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

- Sau khi có quyết định chia, tách, doanh nghiệp có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án chia, tách.

- Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chia, tách thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp;

- Đề án chia, tách doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi chia, tách;

b) Sự cần thiết của việc chia, tách doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;

c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi chia, tách;

d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;

đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc chia, tách;

e) Thời hạn thực hiện chia, tách doanh nghiệp;

g) Trường hợp chia, tách doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp mới thì Đề án chia, tách doanh nghiệp bao gồm thêm các nội dung khác quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP.

- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách;

- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách;

- Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 04 bộ hồ sơ gốc.

* **Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (hoặc không phê duyệt) chủ trương.

- Trong trường hợp được phê duyệt chủ trương, UBND tỉnh quyết định chia, tách.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được chia, tách khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Việc chia, tách doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Các doanh nghiệp mới hình thành sau khi chia, tách phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập doanh nghiệp quy định tại Điều 4 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;
- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Thủ tục: Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

*** Trình tự thực hiện:**

- Sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND tỉnh) ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo quy định của pháp luật, cụ thể: thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh” theo quy định tại:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

+ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

+ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp để ra quyết định tạm ngừng kinh doanh.

*** Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* **Thành phần hồ sơ:** Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ gốc.

* **Thời hạn giải quyết:** Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của UBND tỉnh.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu “Thông báo tạm ngừng kinh doanh” ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Doanh nghiệp tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu “Thông báo tạm ngừng kinh doanh” ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về đăng ký doanh.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng ... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp / / Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm đến hết ngày....tháng....năm

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng của tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh”.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp / / Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng kinh doanh địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo²:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày tháng.....năm

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng của các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau đây của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng “Đang hoạt động”:

Tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Một hoặc một số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế*): Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

.....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)³

5. Thủ tục: Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

*** Trình tự thực hiện:**

- Khi xác định doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp xem xét giải thể quy định tại Điều 39 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP, người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện các bước giải thể doanh nghiệp.

- Người có thẩm quyền ra quyết định giải thể doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 42 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.

- Sau khi có quyết định giải thể:

+ Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 43 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP;

+ Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 45 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP;

+ Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế có trách nhiệm ban hành văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp khi nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

- Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi doanh nghiệp đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật và cơ quan đăng ký kinh doanh chuyên tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể.

*** Cách thức thực hiện:**

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* **Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị giải thể doanh nghiệp.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

* **Thời hạn giải quyết:** Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể doanh nghiệp.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Cơ quan thanh tra, kiểm toán, thuế hoặc các cơ quan chức năng khác của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, phát hiện doanh nghiệp rơi vào tình trạng phải giải thể.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải thể doanh nghiệp của Chủ tịch UBND tỉnh.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

+ Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

+ Doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính, được đặt vào tình trạng giám sát tài chính đặc biệt sau khi kết thúc thời hạn áp dụng phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại mà không phục hồi được hoạt động sản xuất kinh doanh và không thực hiện được các hình thức chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại khác theo quy định của pháp luật;

+ Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

+ Việc tiếp tục duy trì doanh nghiệp là không cần thiết;

+ Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quy định gia hạn.

- Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

- Việc giải thể doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp việc giải thể chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (trừ trường hợp doanh nghiệp giải thể khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quy định gia hạn).

Trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện giải thể nêu trên hoặc đã lâm vào tình trạng phá sản thì cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sắp xếp theo hình thức khác hoặc thực hiện phá sản.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

6. Thủ tục: Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

* **Trình tự thực hiện:** Căn cứ vào kế hoạch cổ phần hóa trong Danh mục sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017.

Bước 1. Xây dựng Phương án cổ phần hóa

1. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc.

a) Căn cứ vào kế hoạch cổ phần hóa trong Danh mục sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cổ phần hóa quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và kế hoạch, lộ trình triển khai công tác cổ phần hóa.

b) Trưởng Ban Chỉ đạo lựa chọn và ra quyết định thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban Chỉ đạo.

2. Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu.

Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan bao gồm:

- Các Hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp.
- Các Hồ sơ pháp lý về tài sản, nguồn vốn, công nợ của doanh nghiệp.
- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của công ty đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Lập dự toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ quy định.
- Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp đang quản lý phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trong từng thời kỳ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý.
- Lựa chọn phương pháp, hình thức xác định giá trị doanh nghiệp, lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến cổ phần hóa.

3. Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa, quyết định lựa chọn tư vấn cổ phần hóa theo chế độ quy định.

4. Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13, 14, 15, 16, 17, 19 20 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn tiến hành:

a) Kiểm kê, phân loại tài sản và quyết toán tài chính, quyết toán thuế, phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

b) Gửi phương án sử dụng đất đã được duyệt cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên địa bàn để xin ý kiến về giá đất làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp.

c) Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp và tổ chức tư vấn tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp Tổ chức tư vấn có chức năng định giá thì có thể thuê trọn gói về lập phương án cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức bán cổ phần.

5. Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp.

Ban Chỉ đạo thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi thực hiện kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Ban Chỉ đạo trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định giá trị doanh nghiệp gửi văn bản và hồ sơ đề nghị cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ các khoản công nợ và tài sản đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp để bàn giao sang Công ty Mua bán nợ Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

6. Hoàn tất Phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và tình hình thực tế của doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp, tổ chức tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp. Phương án cổ phần hóa phải bao gồm các nội dung cơ bản như:

- Thực trạng của công ty ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý.
- Hình thức cổ phần hóa và vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.
- Cơ cấu vốn điều lệ, giá khởi điểm và phương thức phát hành cổ phiếu theo quy định.

- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Phương án sắp xếp lại lao động đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

- Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm tiếp theo.

- Phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc cùng với doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn tổ chức công khai Phương án cổ phần hóa và gửi tới từng bộ phận trong công ty để nghiên cứu trước khi tổ chức Hội nghị người lao động (bắt thường).

Sau Hội nghị người lao động, Tổ giúp việc, doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn hoàn thiện Phương án cổ phần hóa để trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

c) Ban Chỉ đạo thẩm định phương án cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án cổ phần hóa phê duyệt.

Đối với các doanh nghiệp có giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Ban Chỉ đạo và doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp. Căn cứ tính hiệu quả và khả thi của phương án tái cơ cấu doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt phương án tái cơ cấu để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo quy định.

Bước 2. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

1. Ban Chỉ đạo chỉ đạo doanh nghiệp phối hợp với các tổ chức tư vấn trung gian tổ chức bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được duyệt và quy định tại Nghị định này.

2. Ban Chỉ đạo chỉ đạo doanh nghiệp bán cổ phần ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp (nếu có) theo phương án đã duyệt.

3. Căn cứ vào kết quả tổng hợp bán cổ phần cho các đối tượng theo quy định trong phương án cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo chỉ đạo doanh nghiệp chuyển tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ theo quy định.

Trường hợp không bán hết cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án cổ phần hóa được duyệt, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa ra quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa.

4. Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cử người làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn nhà nước tiếp tục tham gia trong công ty cổ phần và chịu trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp.

a) Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) và doanh nghiệp tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành công ty cổ phần.

b) Căn cứ vào kết quả Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Hội đồng quản trị công ty cổ phần thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

2. Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

a) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Căn cứ kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

c) Tổ chức ra mắt công ty cổ phần và thực hiện bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, cơ quan quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc và doanh nghiệp có thể tiến hành đồng thời nhiều bước để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp.

*** Cách thức thực hiện:**

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.
- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* **Thành phần hồ sơ:** Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án cổ phần hóa và Phương án cổ phần hóa của doanh nghiệp.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

* **Thời hạn giải quyết:** Tối đa không quá 45 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Tờ trình và Phương án cổ phần hóa, cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa để thực hiện.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Doanh nghiệp cổ phần hóa.
- Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Cơ quan kiểm toán, thuế hoặc các cơ quan chức năng khác của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của UBND tỉnh.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cổ phần hóa theo Danh mục, kế hoạch doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp theo từng thời kỳ của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa khi đủ điều kiện:

- Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ. Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ;

- Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

1. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

- Chủ khoản viện trợ lập văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Chủ khoản viện trợ gửi Cơ quan chủ quản văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ đề nghị góp ý kiến tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan chuyên môn liên quan.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Cơ quan chủ trì thẩm định (là cơ quan do Cơ quan chủ quản chỉ định theo quy định tại Nghị định 80/2020/NĐ-CP) đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

+ Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; Khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

+ Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

- Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến của các Cơ quan liên quan kết luận làm cơ sở để báo cáo Cơ quan chủ quản (UBND tỉnh).

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt/điều chỉnh văn kiện sửa đổi chương trình, dự án với các nội dung: Tên chương trình, dự án; tên cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của chương trình, dự án; cơ chế tài chính trong nước; phương thức quản lý thực hiện.

* **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt/điều chỉnh văn kiện chương trình, dự án;
- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.
- Văn kiện chương trình phê duyệt mới/sửa đổi, dự án;
- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân đến thời điểm điều chỉnh;
- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;

+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

- Số lượng hồ sơ: 06 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

* **Thời hạn giải quyết:**

Thời gian xem xét, trình Cơ quan chủ quản về chương trình, dự án kể từ ngày Cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo/Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về chương trình, dự án.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức,

cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2020).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

*** Mẫu văn kiện:**

**NỘI DUNG VĂN KIỆN CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VIỆN TRỢ**
(Kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ)

(Tên dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên dự án:.....
 2. Mã ngành dự án¹: Mã số dự án²:.....
 3. Tên Bên cung cấp viện trợ:.....
 4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:
 - a) Địa chỉ liên lạc:.....
 - b) Số điện thoại/Fax:.....
 5. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc:.....
 - b) Số điện thoại/Fax:.....
 6. Chủ dự án³:
 - a) Địa chỉ liên lạc:.....
 - b) Số điện thoại/Fax:.....
 7. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁴:
 8. Địa điểm thực hiện dự án (ghi rõ tới cấp huyện, nếu có thể áp dụng được):
 9. Tổng vốn của dự án:nguyên tệ, tương đươngUSD
- Trong đó:
- a) Vốn viện trợ không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương USD
(Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình, dự án)
 - b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt: VND tương đươngUSD
 - Hiện vật: tương đương VND tương đươngUSD

1 Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

2 Mã dự án - Không bắt buộc - có thể do Bên cung cấp viện trợ quy định.

3 Chủ Dự án chính là Chủ khoản viện trợ.

4 Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

- Bên tài trợ:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

d) Vốn viện trợ:

- Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

- Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

10. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Khái quát mục tiêu và các kết quả của dự án

Chủ Dự án ký tên và đóng dấu

(Ngày tháng năm)

Đại diện Bên cung cấp viện trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

(Ngày tháng năm)

NỘI DUNG VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

I. CĂN CỨ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

1. Cơ sở pháp lý của dự án

a) Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ dự án, Cơ quan chủ quản

b) Các văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Bối cảnh của dự án

a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của dự án trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Nêu các chương trình, dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.

3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ dự án.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT BÊN CUNG CẤP VIỆN TRỢ

1. Mô tả tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của Bên cung cấp viện trợ.
2. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA DỰ ÁN

Mô tả đích mà dự án cần đạt được khi kết thúc để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương.

IV. NHỮNG CẤU PHẦN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

Mô tả chi tiết kế hoạch thực hiện các cấu phần hoặc tiểu dự án (nếu có) và hoạt động tương ứng của dự án theo các nội dung sau:

1. Mục đích
2. Các kết quả dự kiến, bao gồm Danh mục hàng hóa (nếu có)
3. Tổ chức thực hiện
4. Thời gian bắt đầu và kết thúc
5. Dự kiến nguồn lực

V. NGÂN SÁCH DỰ ÁN

1. Tổng vốn của dự án: ... nguyên tệ, tương đươngUSD

Trong đó:

- a) Vốn viện trợ không hoàn lại:....nguyên tệ, tương đương.... USD

(Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

- b) Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương..... VND

- Tiền mặt:.....VND

- c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

- Bên tài trợ:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

d) Vốn viện trợ:

- Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
- Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

2. Cơ cấu vốn theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế), đào tạo (trong nước, nước ngoài); thiết bị và vật tư (trong nước, nhập khẩu), kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong dự án (nếu có), các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá dự án, kiểm toán dự án và các chi phí khác.

3. Cơ chế tài chính áp dụng:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ

b) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn đối ứng

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát..... VND (... %) tổng vốn đối ứng
(Trong đó: vốn ngân sách trung ương %, vốn ngân sách địa phương.... %)
- Vốn của cơ quan chủ quản..... VND (... %) tổng vốn đối ứng
- Vốn tự cân đối của chủ dự án..... VND (... %) tổng vốn đối ứng
- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có)..... VND (... %) tổng vốn đối ứng.

VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

1. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)
2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán
3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)
4. Kiểm toán dự án

VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Cơ cấu tổ chức
2. Hoạt động của Ban quản lý dự án

VIII. THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Xây dựng kế hoạch theo dõi, đánh giá thực hiện dự án
2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án
 - a) Đánh giá ban đầu
 - b) Đánh giá giữa kỳ
 - c) Đánh giá kết thúc
3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án
4. Cơ chế báo cáo

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020.

IX. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN SAU KHI KẾT THÚC

Đánh giá tính bền vững của dự án trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: kết quả của dự án được duy trì và phát triển sau khi dự án kết thúc.
2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của dự án được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi dự án kết thúc.
3. Bền vững về tài chính: sau khi hết khoản viện trợ, các hoạt động của dự án có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.
4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện dự án được bảo tồn sau khi dự án kết thúc.

2. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

- Chủ khoản viện trợ lập văn kiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

- Chủ khoản viện trợ gửi Cơ quan chủ quản văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ đề nghị góp ý kiến tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan chuyên môn liên quan.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Cơ quan chủ trì thẩm định (là cơ quan do Cơ quan chủ quản chỉ định theo quy định tại Nghị định 80/2020/NĐ-CP) đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

+ Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; Khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

+ Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

- Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến của các Cơ quan liên quan kết luận làm cơ sở để báo cáo Cơ quan chủ quản (UBND tỉnh).

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt/điều chỉnh văn kiện sửa đổi chương trình, dự án với các nội dung: Tên chương trình, dự án; tên cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của chương trình, dự án; cơ chế tài chính trong nước ; phương thức quản lý thực hiện.

* **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt/điều chỉnh văn kiện chương trình, dự án;
- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.
- Văn kiện chương trình phê duyệt mới/sửa đổi, dự án;
- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân đến thời điểm điều chỉnh;
- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;

+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

- Số lượng hồ sơ: 06 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

* **Thời hạn giải quyết:**

Thời gian xem xét, trình Cơ quan chủ quản về chương trình, dự án kể từ ngày Cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo/Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về chương trình, dự án.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức,

cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

*** Mẫu văn kiện:**

**NỘI DUNG VĂN KIỆN CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ**
(Kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ)

(Tên dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên dự án:
 2. Mã ngành dự án⁵:
 3. Tên Bên cung cấp viện trợ:
 4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
 5. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
 6. Chủ dự án dự kiến:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax:
 7. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁶:
 8. Địa điểm thực hiện dự án:
 9. Tổng vốn của dự án:nguyên tệ, tương đương.....USD
- Trong đó:
- a) Vốn viện trợ không hoàn lại: ...nguyên tệ, tương đương... USD
- (Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)
- b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt:VND tương đương với..... USD

⁵ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

⁶ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

- Hiện vật: tương đương.....VND tương đương với..... USD

c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt:VND tương đương USD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

- Bên tài trợ:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

d) Vốn viện trợ:

- Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

- Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

10. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Khái quát mục tiêu và các kết quả của dự án

Đại diện Chủ dự án ký tên và đóng dấu

(Ngày tháng năm)

**Đại diện Bên cung cấp viện trợ ký tên và đóng
dấu (nếu cần)**

(Ngày tháng năm)

NỘI DUNG VĂN KIẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ

I. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.
2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.
3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.
4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT BÊN CUNG CẤP VIỆN TRỢ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của Bên cung cấp viện trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của Bên cung cấp viện trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được viện trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. CÁC MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu dài hạn
2. Mục tiêu ngắn hạn

IV. CÁC KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

Kết quả dự kiến đạt được của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó (theo từng cấu phần, hạng mục nếu có).

V. CẤU PHẦN, HẠNG MỤC, HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGUỒN LỰC CỦA DỰ ÁN

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả dự kiến của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần, hạng mục) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. NGÂN SÁCH CỦA DỰ ÁN

1. Đối với vốn viện trợ

Vốn viện trợ:.....nguyên tệ, tương đương.....USD

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:..... VND

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương VND

- Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

a) Vốn ngân sách trung ương cấp phát.....VND (...%) tổng vốn đối ứng

b) Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):VND (...%) tổng vốn đối ứng

3. Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

- Bên tài trợ:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

4 Vốn viện trợ:

- Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
- Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

5. Cơ chế tài chính áp dụng:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ

b) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn đối ứng

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

(Trong đó: vốn ngân sách trung ương %, vốn ngân sách địa phương..... %)

- Vốn của cơ quan chủ quản.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ dự án.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có).....VND (... %) tổng vốn đối ứng.

VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.

VIII. PHÂN TÍCH SƠ BỘ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc.

3. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản

*** Trình tự thực hiện:**

- Chủ khoản viện trợ lập văn kiện phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Chủ khoản viện trợ gửi Cơ quan chủ quản văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ đề nghị góp ý kiến tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan chuyên môn liên quan.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Cơ quan chủ trì thẩm định (là cơ quan do Cơ quan chủ quản chỉ định theo quy định tại Nghị định 80/2020/NĐ-CP) đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

+ Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; Khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

+ Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

- Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến của các Cơ quan liên quan kết luận làm cơ sở để báo cáo Cơ quan chủ quản (UBND tỉnh).

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt/điều chỉnh văn kiện sửa đổi phi dự án với các nội dung: Tên phi dự án; tên cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; mục tiêu và kết quả chủ yếu; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của phi dự án; cơ chế tài chính trong nước; phương thức quản lý thực hiện.

* **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt/điều chỉnh sửa đổi văn kiện phi dự án;
- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.
- Văn kiện phê duyệt/điều chỉnh sửa đổi văn kiện phi dự án;
- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân đến thời điểm điều chỉnh;
- Chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận.

- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;

+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

- Số lượng hồ sơ: 06 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

* **Thời hạn giải quyết:**

Thời gian xem xét, trình Cơ quan chủ quản phê duyệt phi dự án kể từ ngày Cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo/Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về phi dự án.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn kiện phi dự án theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

*** Mẫu văn kiện:**

NỘI DUNG VĂN KIỆN PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ
(Kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ)
(tên phi dự án)

I. Căn cứ tiếp nhận phi dự án

1. Cơ sở pháp lý của phi dự án
 - a) Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ khoản viện trợ, Cơ quan chủ quản
 - b) Các văn bản pháp lý liên quan khác.
2. Bối cảnh của dự án
 - a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết tiếp nhận phi dự án trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).
 - b) Nêu các chương trình, dự án, phi dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các khoản viện trợ đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả nhằm phát huy hiệu quả tối đa.
3. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của phi dự án.

II. Cơ sở đề xuất Bên cung cấp viện trợ

1. Mô tả tính phù hợp
2. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu tiếp nhận phi dự án

Mô tả đích cần đạt được để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương.

IV. Các thông số cơ bản của phi dự án

Mô tả chi tiết về các thông số kỹ thuật, hoặc hoạt động cụ thể của phi dự án
Danh mục hàng hóa (nếu có)

V. Ngân sách hoặc trị giá viện trợ của phi dự án

1. Tổng vốn của phi dự án:USD

Trong đó:

- a) Vốn viện trợ không hoàn lại:....nguyên tệ, tương đương.... USD
(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện phi dự án)
- b) Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương..... VND

- Tiền mặt:.....VND

2. Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát..... VND (... %) tổng vốn đối ứng
(trong đó: vốn NS trung ương %, vốn NS địa phương..... %)

- Vốn của cơ quan chủ quản.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ dự án..... VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có).....VND (... %) tổng vốn đối ứng.

3 Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

a) Chủ dự án:

- Tiền mặt:VND tương đươngUSD

- Hiện vật: tương đương VND tương đươngUSD

b) Bên tài trợ:

- Tiền mặt:VND tương đươngUSD

- Hiện vật: tương đương VND tương đươngUSD

4. Vốn viện trợ:

a) Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

b) Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

VI. Các quy định về quản lý phi dự án

1. Quy định về quản lý tài sản, chuyển giao tài sản

2. Quy định về chế độ báo cáo.

4. Thủ tục: Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý

*** Trình tự thực hiện:**

Theo quy định tại điểm 3b, khoản 2, Điều 1, Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ:

- Cơ quan chủ trì thẩm định tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

(Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan).

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có văn bản góp ý về những nội dung của Văn kiện dự án, phi dự án và những vấn đề cần thiết có liên quan, trong đó lưu ý các nội dung: sự cần thiết và các mục tiêu, kết quả chủ yếu; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

- Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, phi dự án với các nội dung gồm: sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

(Tổng thời gian thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

- Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Văn kiện dự án.

Nội dung chính phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án gồm (i) Tên dự án, phi dự án; (ii) Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài (nếu có); (iii) Tên cơ quan chủ quản, chủ dự án; (iv) Thời gian, địa điểm thực hiện; (v) Mục tiêu, hoạt động và kết quả; (vi) Tổ chức quản lý; (vii) Phương thức thực hiện; (viii) Tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn gồm: Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam) và vốn đối ứng (đồng Việt Nam); (ix) Các nội dung khác.

- Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản và các tài liệu liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức cho nhà tài trợ nước ngoài và đề nghị xem xét tài trợ.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản lấy ý kiến.
- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án.
- Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án.
- Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan.
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (riêng Văn kiện dự án, phi dự án: 08 bộ).

*** Thời hạn giải quyết:**

Không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: HĐND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu Văn kiện dự án, phi dự án thực hiện theo mẫu tại Phụ lục V và Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

*** Mẫu văn kiện dự án:**

**MẪU VĂN KIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT
SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI**

(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).
3. Cơ chế tài chính.

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có).

MẪU VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI (Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến.
5. Địa điểm thực hiện.

II. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

V. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
3. Cơ chế tài chính.

VI. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có).

5. Thủ tục: Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

*** Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

6. Thủ tục: Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm

*** Trình tự thực hiện:**

- Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hằng năm của cơ quan chủ quản.

- Cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm.

- Hằng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, cơ quan chủ quản tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm vào kế hoạch đầu tư công và kế hoạch ngân sách hằng năm của cơ quan chủ quản.

+ Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Hằng năm, vào cùng thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại để theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Cơ quan chủ quản, chủ dự án có trách nhiệm tự cân đối đủ vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện của chương trình, dự án.

+ Đối với chương trình, dự án vay lại một phần từ ngân sách nhà nước: Tùy theo tính chất của từng hợp phần chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ hay cho vay lại), chủ dự án áp dụng quy trình lập và trình duyệt kế hoạch của chương trình, dự án tương ứng với từng hợp phần của chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1, 2, 7 Điều 43 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm, chủ dự án gửi cơ quan chủ quản và thông qua cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm gồm thông

tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, bao gồm cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

* **Thời hạn giải quyết:** Không có.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm được phê duyệt.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH

1. Thủ tục: Lập quy hoạch tỉnh

* Trình tự thực hiện:

- Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;

- Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất quan điểm, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

- Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung thuộc lĩnh vực theo dõi để đưa vào quy hoạch và gửi cơ quan lập quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng;

- Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện dự thảo nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 Luật Quy hoạch năm 2017;

- Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch, trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

* Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

* Thành phần hồ sơ:

(1) Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch năm 2017, gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- Tờ trình;
- Báo cáo quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

(2) Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch tỉnh bảo đảm theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch năm 2017, bao gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- Tờ trình;
- Báo cáo quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có);
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

* **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

* **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh: UBND tỉnh.
- Cơ quan lập quy hoạch tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phê duyệt quy hoạch tỉnh: Thủ tướng Chính phủ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh.

- * **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không quy định.
- * **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- * **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Lập mới quy hoạch tỉnh.
- * **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Quy hoạch năm 2017;
 - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
 - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch.

2. Thủ tục: Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ;

- Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng điều chỉnh quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập điều chỉnh quy hoạch;

- Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào điều chỉnh quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của điều chỉnh quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng;

- Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện nội dung điều chỉnh quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 Luật Quy hoạch năm 2017;

- Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch;

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua điều chỉnh quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*** Cách thức thực hiện:**

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

*** Thành phần hồ sơ:**

(1) Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh quy hoạch bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch năm 2017, gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- Tờ trình;
- Báo cáo điều chỉnh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch.

(2) Hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh bảo đảm theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch năm 2017 bao gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- Tờ trình;
- Báo cáo điều chỉnh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có);
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh: UBND tỉnh.
- Cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh: Thủ tướng Chính phủ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

- * **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không quy định.
- * **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- * **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
- * **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Quy hoạch năm 2017;
 - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
 - Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch.

3. Thủ tục: Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

*** Cách thức thực hiện:**

Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch:

- Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 Luật Quy hoạch.

- Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.

*** Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

*** Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Cơ quan thực hiện:**

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.

*** Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính:**

Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Hoàn thành cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh theo quy định.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không quy định.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Quy hoạch năm 2017;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch.

IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG

1. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương

* Trình tự thực hiện:

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau với mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

- Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét;

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định.

- Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

+ Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Giao các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến;

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện để triển khai thực hiện.

*** Cách thức thực hiện:**

- Nhập dữ liệu lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.
- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì tổng hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.
- Cơ quan quyết định: HĐND/UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của Thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương

* Trình tự thực hiện:

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc lập kế hoạch đầu tư công năm sau với mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch đầu tư công năm sau;

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập kế hoạch đầu tư công năm sau của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét;

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự kiến về kế hoạch đầu tư công năm sau;

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định;

- Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công năm sau, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau;

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện để triển khai thực hiện và gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi.

* Cách thức thực hiện:

- Nhập dữ liệu lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

* **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì tổng hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.
- Cơ quan quyết định: HĐND/UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương

*** Trình tự thực hiện:**

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị chủ đầu tư gửi đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ sự cần thiết, yêu cầu tiến độ giải ngân dự án và tổng vốn ngân sách trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến.

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Trên cơ sở Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn.

*** Cách thức thực hiện**

- Nhập dữ liệu lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan chủ trì tổng hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.

- Cơ quan quyết định: HĐND/UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

4. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương

*** Trình tự thực hiện:**

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị chủ đầu tư gửi đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ sự cần thiết, yêu cầu tiến độ giải ngân dự án, đề tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn.

*** Cách thức thực hiện:**

- Nhập dữ liệu lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì tổng hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị chủ đầu tư.

- Cơ quan quyết định: HĐND/UBND cấp tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

5. Thủ tục: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm B, C

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư/Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư để thẩm định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư/Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan.

- Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo ý kiến tham gia của các đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C; Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B.

*** Cách thức thực hiện:**

- Nhập dữ liệu lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ gửi cơ quan thẩm định để thẩm định:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

+ Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Hồ sơ gửi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án:

+ Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (sau khi hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của đơn vị thẩm định).

+ Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ hồ sơ giấy và 01 bộ hồ sơ bằng bản điện tử (file scan/file ký số).

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư/Hội đồng thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 20 ngày.

- Thời gian quyết định kể từ ngày cấp có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 10 ngày. Đối với dự án nhóm B thời gian quyết định chủ trương đầu tư tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung không phù hợp: Có văn bản phản hồi gửi cơ quan/đơn vị/chủ đầu tư trong thời gian không quá 03 ngày.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan quyết định: HĐND/UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C theo mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

- Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

6. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

*** Trình tự thực hiện:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

- Giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị mình (Mẫu số 03, 04 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

- Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị mình dành để đầu tư.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Nhập dữ liệu lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.
- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ, cụ thể:**

- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP); báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các đơn vị sự nghiệp công lập.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh/Đơn vị sự nghiệp công lập.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công năm 2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

V. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

1. Thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

* Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

* **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định;

+ Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư;

+ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng);

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư;

+ Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư;

+ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo thẩm tra đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày.
- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: HĐND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP;
- Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020;
- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;
- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;
- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ thẩm định dự án tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định;

+ Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có);

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới);

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt dự án;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có);

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới);

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày.
- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh;

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Quyết định phê duyệt dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020;
- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;
- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;
- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Thủ tục: Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án lập văn bản đề nghị thẩm định, dự thảo tờ trình đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định;

+ Dự thảo tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư;

+ Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Tờ trình đề nghị điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng);

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Hồ sơ đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư;

+ Dự thảo quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

+ Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh.

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Số bộ hồ sơ: 10 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày.

- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: HĐND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

- Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Thủ tục: Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án lập tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP.

*** Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định;

+ Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;

+ Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có);

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới);

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án PPP bao gồm:

+Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án;

+ Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có);

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới);

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày.

- Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

- Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số năm 2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

- Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

VI. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU

1. Thủ tục: Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu

*** Trình tự thực hiện:**

Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu:

- Đơn vị nộp Hồ sơ thầu về lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư để xác định danh sách (không ít hơn 03) tổ chức hành nghề luật sư, luật sư dự kiến được thuê; chỉ lựa chọn vào danh sách các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư danh tiếng, nhiều kinh nghiệm;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức đàm phán hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư có ưu thế nhất trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu và cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư trong vụ kiện;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Đối với trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu, trừ gói thầu quy định tại khoản 5 Điều này, quy trình lựa chọn nhà thầu gồm các bước:

- Đơn vị nộp Hồ sơ thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu, trừ gói thầu quy định tại khoản 5 Điều 83 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Đối với gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu:

- Đối với đoàn đi công tác quốc tế: Căn cứ kế hoạch công tác và hành trình bay được duyệt, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay lấy tối thiểu 02 báo giá của 02 đại lý bán vé máy bay khác nhau (hoặc báo giá của 01 đại lý bán vé máy bay của ít nhất 02 hãng hàng không khác nhau,

trong đó có ít nhất 01 đại lý chính hãng của hàng không quốc gia Việt Nam) với cùng hành trình bay để xem xét, so sánh và lựa chọn đơn vị cung cấp vé máy bay trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu: đường bay trực tiếp, phù hợp với lịch công tác; tổng các khoản chi tiền vé (bao gồm các khoản thuế và phụ phí), tiền đi đường, tiền chờ đợi tại sân bay thấp nhất. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp thay đổi đường bay ở nước ngoài do nhu cầu công tác thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí quyết định việc mua vé trên cơ sở đề nghị của trưởng đoàn công tác;

- Đối với đoàn đi công tác trong nước: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Việc mua vé máy bay cho các đoàn đi công tác trong nước và quốc tế theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023.
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Thủ tục: Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương

*** Trình tự thực hiện:**

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định cấm tham gia hoạt động đấu thầu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của chủ đầu tư kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

+ Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;

+ Kết quả giải quyết kiến nghị của hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;

+ Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó xác định hành vi vi phạm.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Thủ tục: Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

*** Trình tự thực hiện:**

- Chủ đầu tư nộp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** 02 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

4. Thủ tục: Lập thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

*** Trình tự thực hiện:**

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (*địa chỉ: Số 1183 đường Yên Ninh, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái*).

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** 02 bộ hồ sơ.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

5. Thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn trong trường hợp đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời thầu lập hồ sơ mời sơ tuyển, tờ trình phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển; lập báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển.

- Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, bên mời thầu lập, đăng tải thông báo mời sơ tuyển và phát hành hồ sơ mời sơ tuyển trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.

- Bên mời thầu tổ chức mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển:

+ Hồ sơ dự sơ tuyển được nộp trong thời hạn và địa điểm quy định tại hồ sơ mời sơ tuyển và được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ dự sơ tuyển phải được ghi thành biên bản, gửi cho các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu.

+ Hồ sơ dự sơ tuyển được gửi sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại. Việc đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển. Nhà thầu có hồ sơ dự sơ tuyển được đánh giá đạt đối với tất cả các nội dung về năng lực và kinh nghiệm được đưa vào danh sách ngắn.

- Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển:

+ Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu lập tờ trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kết quả sơ tuyển, lập báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

- Công khai danh sách ngắn: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn trong trường hợp đấu thầu hạn chế để lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời thầu xác định danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu.

Trường hợp khi xác định danh sách ngắn có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu, bên mời thầu báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo một trong hai cách sau đây:

- + Tiến hành lựa chọn bổ sung nhà thầu vào danh sách ngắn;
- + Cho phép phát hành ngay hồ sơ mời thầu cho nhà thầu trong danh sách ngắn.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách ngắn.
- Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

7. Thủ tục: Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời thầu tổ chức lập hồ sơ mời thầu, tờ trình phê duyệt hồ sơ mời thầu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu; lập báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ mời thầu.

*** Cách thức thực hiện**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

8. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư

*** Trình tự thực hiện:**

- Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu lập tờ trình kết quả lựa chọn nhà thầu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; lập báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây: Tên nhà thầu trúng thầu; Giá trúng thầu; Loại hợp đồng; Thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu và thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự; Các nội dung cần lưu ý (nếu có).

+ Trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Quyết định hủy thầu (trong trường hợp hủy thầu).

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

9. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu lập tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định; lập báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

+ Trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm các nội dung sau đây: Tên dự án; Tên nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có); Một hoặc các thông tin quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 của số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Các nội dung khác (nếu có).

+ Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Luật Đấu thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc Quyết định hủy thầu (trong trường hợp hủy thầu).

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

10. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu

*** Trình tự thực hiện:**

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu lập tờ trình phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

- Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định; lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

11. Thủ tục: Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan chuyên môn lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư; lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư; giao cơ quan, đơn vị làm bên mời quan tâm (đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ quyết định phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư để đăng tải lên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan chuyên môn.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

12. Thủ tục: Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời quan tâm trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ mời quan tâm.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời quan tâm, lập báo cáo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ vào báo cáo thẩm định hồ sơ mời quan tâm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư .

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

13. Thủ tục: Lập, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời thầu trình Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.
- Bên mời thầu căn cứ báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: Bên mời thầu.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;
- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

14. Thủ tục: Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời quan tâm lập tờ trình thẩm định kết quả mời quan tâm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định kết quả mời quan tâm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả mời quan tâm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả mời quan tâm.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời quan tâm.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

15. Thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư)

*** Trình tự thực hiện:**

- Bên mời thầu trình danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu và có nhu cầu tham dự thầu; lập tờ trình danh sách ngắn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định danh sách ngắn; lập báo cáo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định danh sách ngắn, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách ngắn.

- Công khai danh sách ngắn: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Qua hệ thống tiếp nhận văn bản điện tử V-Office.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

*** Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bên mời thầu.

*** Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;s

- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất./.